TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859-3208
e-ISSN 3093-3056
Số 103, Tập 01/2026

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 103, Vol 01/2026

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

TIỀM NĂNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH ĐỊA HỌC TẠI KHU VỰC BẢY NÚI, TỈNH AN GIANG

Potential and solutions for the development of geotourism products in Bay Nui area, An Giang province

Phạm Đức Thiện
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Khu vực Bảy Núi (Thất Sơn) là một vùng có giá trị địa chất đặc thù, tọa lạc trên địa bàn một số xã, phường nằm phía Tây của tỉnh An Giang (trước ngày 01/7/2025 thuộc địa bàn huyện Tri Tôn và thị xã Tịnh Biên). Khu vực này từ lâu đã trở thành điểm đến nổi tiếng, đặc sắc với nhiều giá trị về tự nhiên và văn hóa... có tiềm năng lớn để phát triển thành một trung tâm du lịch địa học hàng đầu tại khu vực Tây Nam Bộ. Trên cơ sở tổng hợp tài liệu, khảo sát thực địa và sử dụng phương pháp điều tra xã hội học, bài viết này sẽ tóm lược về các giá trị tài nguyên du lịch tại khu vực Bảy Núi và đưa ra một số giải pháp để phát triển sản phẩm du lịch địa học – một loại hình còn khá mới mẻ tại Việt Nam. Bài viết sẽ là nguồn tài liệu tham khảo để xây dựng tài liệu hướng dẫn, đồng thời cung cấp cơ sở cho việc đề xuất định hướng và chính sách phát triển du lịch của chính quyền tại địa bàn phía tây tỉnh An Giang trong tương lai.

Từ khóa: *An Giang; Bảy Núi; du lịch địa học; di sản địa chất; phát triển bền vững.*

Abstract

Bay Nui (That Son) area is an area with special geological values, located in a number of communes and wards of An Giang province (before July 1, 2025, it belonged to Tri Ton rural district and Tinh Bien town). This area has long been a famous and unique destination with many natural and cultural values... with great potential to develop into a leading geotourism center in the Southwest region. Based on the synthesis of documents, field survey and the use of sociological investigation methods, this study summarizes the tourism resource values in Bay Nui area and propose some solutions to develop geotourism products - a type that is still quite new in Vietnam. The article will be a reference source for developing guidance documents, and at the same time provide a basis for proposing orientations and policies for tourism development of the government in the western region of An Giang province in the future.

Keywords: *An Giang; Bay Nui; geotourism; geoheritage; sustainable tourism.*

1. Giới thiệu

Bài viết cung cấp một số nội dung như: giới thiệu định nghĩa về loại hình du lịch địa học và một số đề xuất phát triển sản phẩm du lịch địa học tại khu vực Bảy Núi. Trong bài viết có sử dụng kết quả của hai đợt khảo sát ý kiến du khách vào thời điểm tháng 03 và tháng 11 năm 2022 (ứng với đợt cao điểm du lịch giai đoạn trước lễ vía Bà Chúa Xứ Núi Sam và cao điểm du lịch mùa nước nổi) tại một số điểm đến nổi bật của An Giang. Bằng việc tìm hiểu định hướng chính sách phát triển tại địa phương, tiềm năng cũng như khảo sát nhu cầu và góp ý của du khách

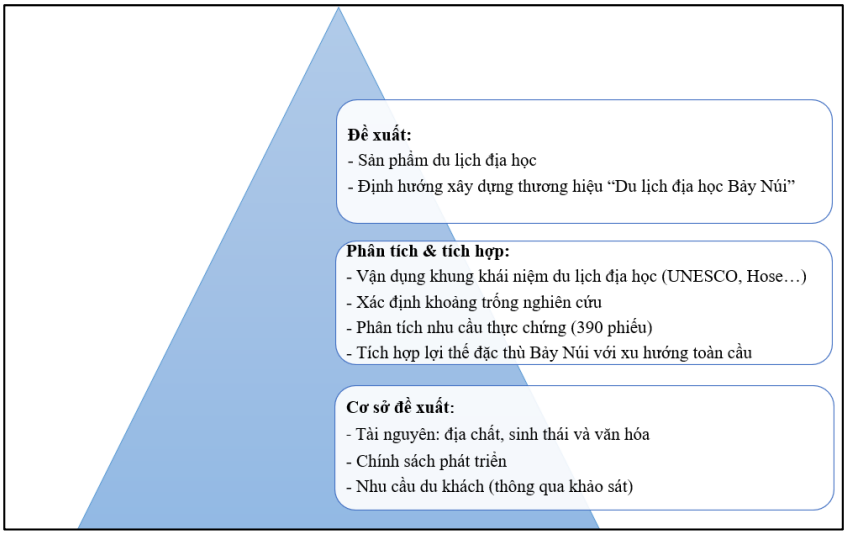
*Tác giả liên hệ: ducthien.pham@hcmussh.edu.vn

đối với sự phát triển của ngành, bài viết cũng sẽ giới thiệu một số sản phẩm du lịch có thể triển khai, nhằm góp phần định hướng phát triển loại hình du lịch địa học tại khu vực này.

Trong những năm gần đây, tại Việt Nam đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu về du lịch địa học, song chủ yếu tập trung ở các khu vực gắn với danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO như Cao nguyên đá Đồng Văn (Tuyên Quang), Non Nước Cao Bằng và Công viên địa chất Đắk Nông (Lâm Đồng) hoặc một vài luận án, bài báo rải rác ở Bình Thuận, Huế và một số địa phương khác. Tuy nhiên, có thể thấy rằng các nghiên cứu này mới dừng lại ở việc giới thiệu khái niệm, hệ thống hóa giá trị tài nguyên, chưa hình thành được cách tiếp cận hệ thống cho toàn vùng. Đặc biệt, đối với khu vực Bảy Núi (An Giang) – một địa bàn giàu tiềm năng về địa chất, sinh thái và văn hóa – cho đến nay hầu như chưa có công trình khoa học nào đi sâu khai thác theo hướng du lịch địa học. Khoảng trống này thể hiện ở hai khía cạnh: (i) các nghiên cứu khởi thảo nội hàm khái niệm "du lịch địa học" gắn với bối cảnh Nam Bộ còn khá hiếm, trong khi khu vực này có sự khác biệt rõ rệt về tự nhiên, lịch sử và văn hóa so với các vùng địa hình núi đá phía Bắc và Tây Nguyên; (ii) chưa có khảo sát thực chứng quy mô lớn nào nhằm phản ánh nhu cầu và mức độ sẵn sàng tham gia của du khách đối với sản phẩm du lịch địa học ở An Giang.

2. Khung tiếp cận nghiên cứu

Để minh họa cách tiếp cận, nghiên cứu này xây dựng **khung tiếp cận 3 bước** (Hình 1). Theo đó, **cơ sở đề xuất** bao gồm hệ thống tài nguyên địa chất – sinh thái – văn hóa, chính sách phát triển du lịch của tỉnh An Giang cùng với nhu cầu du khách thu thập qua khảo sát xã hội học. Trên cơ sở đó, bước **phân tích và tích hợp** được tiến hành dựa vào khung khái niệm du lịch địa học (UNESCO, Hose…) kết hợp với dữ liệu thực chứng để nhận diện khoảng trống nghiên cứu và xác định lợi thế đặc thù của vùng Bảy Núi. Kết quả cuối cùng hình thành những **đề xuất** về sản phẩm du lịch địa học phù hợp, góp phần định hướng xây dựng thương hiệu "Du lịch địa học Bảy Núi" trong tương lai.



Hình 1. Khung tiếp cận nghiên cứu phát triển du lịch địa học tại khu vực Bảy Núi

(Nguồn: Tác giả, 2025)

3. Phương pháp nghiên cứu

Những phương pháp được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu này bao gồm: tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp, khảo sát thực địa và phương pháp điều tra xã hội học với công cụ bảng hỏi bán cấu trúc.

- **Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu:**

Bài viết kế thừa và tổng hợp nhiều nguồn tư liệu trong và ngoài nước để làm rõ cơ sở lý luận về du lịch địa học, lịch sử nghiên cứu loại hình này, cũng như thông tin về đặc điểm địa chất, địa hình, địa mạo và bối cảnh phát triển du lịch của tỉnh An Giang. Việc đối chiếu, so sánh tài liệu giúp xác định khoảng trống nghiên cứu và cơ sở đề xuất phù hợp cho địa phương.

- **Phương pháp khảo sát thực địa:**

Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả cũng tiến hành nhiều cuộc khảo sát thực địa trên địa bàn nghiên cứu. Các điểm đến được tác giả quan tâm như một số nơi thuộc khu vực núi Cấm, Ba Chúc, núi Két, núi Dài, Ô Thum, Ô Tà Sóc, đồi Tức Dụp… Việc tiếp cận các điểm đến nhằm đánh giá và khẳng định khả năng tiếp cận dễ dàng cho du khách, đánh giá được tính hấp dẫn của điểm đến và tính khả thi từng đề xuất sản phẩm cho địa phương.

- **Phương pháp điều tra xã hội học:**

Năm 2022, tác giả đã tham gia tiến hành hai đợt khảo sát bằng bảng hỏi (bán cấu trúc) hướng tới đối tượng khách Việt khi đi du lịch tại tỉnh An Giang trong tháng 03 và tháng 11 tại một số điểm du lịch nổi bật, như: Khu du lịch Lâm Viên - núi Cấm, rừng tràm Trà Sư, hồ Tà Pạ, miếu Bà Chúa Xứ, đỉnh núi Sam, chùa Phước Điền, chợ Châu Đốc... Qua từng đợt khảo sát đã thu thập được những thông tin về nhân khẩu học, tìm hiểu hành vi sử dụng dịch vụ và đặc biệt thu thập nhận định của khách nội địa về một số sản phẩm du lịch mới (hướng tới các sản phẩm du lịch địa học) có thể được xây dựng và phát triển trong thời gian tới. Tháng 03 được coi là cao điểm của du lịch An Giang (giữa Tết Nguyên đán và lễ hội vía Bà Chúa Xứ) và tháng 11 là giai đoạn cao điểm của sản phẩm du lịch "mùa nước nổi". Việc thực hiện khảo sát vào thời gian trên là phù hợp với cách tiếp cận hướng tới: "Phát triển đồng bộ các loại hình du lịch tâm linh - sinh thái - nghỉ dưỡng" (Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, 2021) mà tỉnh đang hướng tới.

Tác giả đã lựa chọn số mẫu phiếu khảo sát theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện (phi xác suất), áp dụng trong điều kiện không thể dự báo được nguồn khách, trong trường hợp không xác định quy mô tổng thể (Thúy, 2010) như lượng khách du lịch đến An Giang. Với 400 bảng hỏi được phát ra và thu hồi được 390 bảng hỏi hợp lệ (200 vào tháng 3 và 190 vào tháng 11).

Tác giả tham khảo công thức Cochran (1977) để ước lượng quy mô mẫu tối thiểu cần thiết:

$$n = Z^2 \times \frac{p \times (1-p)}{e^2}$$

Trong đó:

- n: kích thước mẫu cần xác định.
- Z: giá trị tra bảng phân phối Z dựa vào độ tin cậy lựa chọn. Trong nghiên cứu này, độ tin cậy được sử dụng là 95% thì Z = 1,96.
- p: tỷ lệ ước lượng cỡ mẫu n thành công. Với p = 0,5 để tích số p(1-p) là lớn nhất.
- e: sai số cho phép. Trong nghiên cứu này, lựa chọn e: ±0,05 (tỷ lệ thông thường được sử dụng)

Áp dụng công thức trên, ta tìm được n = 384. Nghiên cứu thu được 390 bảng hợp lệ, đáp ứng yêu cầu về độ tin cậy. Dữ liệu

được nhập và xử lý bằng phần mềm IBM SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) Statistics 20. Phân tích được thực hiện theo hai cấp độ:

(i) Thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ, trung bình) nhằm nhận diện đặc điểm nhân khẩu học và hành vi du khách.

(ii) Kiểm định thống kê để đánh giá sự khác biệt giữa các nhóm. Cụ thể, kiểm định Chi bình phương (χ^2 test) được sử dụng để xem xét mối liên hệ giữa các biến định tính với mức độ đồng ý tham gia sản phẩm du lịch; trong khi kiểm định z cho tỷ lệ (z-test for proportions) được áp dụng để so sánh sự khác biệt về tỷ lệ đồng ý giữa hai đợt khảo sát. Các kiểm định được tiến hành với mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$; kết quả có $p < 0,05$ được xem là có ý nghĩa thống kê. Các tỷ lệ được trình bày kèm khoảng tin cậy 95% nhằm gia tăng độ tin cậy.

Số liệu cuối cùng thống kê mô tả để chỉ ra những đặc điểm nguồn khách từ dữ liệu đã thu thập được. Do áp dụng chọn mẫu thuận tiện, kết quả chỉ phản ánh xu hướng trong nhóm khách khảo sát, chưa đại diện cho toàn bộ khách du lịch đến An Giang. Các kiểm định χ^2 và z được sử dụng để xác định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm.

4. Cơ sở lý luận

Thuật ngữ "Du lịch địa học" là một khái niệm còn tương đối mới mẻ ở Việt Nam và trên thế giới. Xuất phát từ danh từ tiếng Anh: "Geotourism", ban đầu khái niệm này được hiểu như là cách viết tắt cho cụm từ "geological-tourism" nghĩa là "Du lịch địa chất".

Theo Hose (2008) ngay từ thế kỷ XVII, ở nước Anh đã xuất hiện loại hình du lịch dựa trên các điểm tài nguyên có giá trị địa chất học, như: các điểm tham quan, bảo tàng, thư viện và các bộ sưu tập… liên quan đến địa chất. Hay ở Ireland, trong thế kỷ XVIII và XIX, hầu như tất cả các ấn phẩm xuất bản liên quan đến hoạt động quảng bá du lịch, cũng như động cơ của du khách quốc tế khi đến vùng đất này đều liên quan đến chủ đề địa chất.

Tuy vậy, thuật ngữ du lịch địa chất chỉ mới xuất hiện và thu hút sự chú ý của giới nghiên cứu thế giới vào khoảng những năm cuối thế kỷ XX, đầu của thế kỷ XXI. Ban đầu khái niệm này được dùng để chỉ một loại hình du lịch mà ở đó tập trung cung cấp những dịch vụ cần thiết giúp du khách có được những kiến thức về địa chất, địa mạo của một điểm đến địa chất (geosite) và những giá trị của chúng liên quan đến ngành Khoa học Trái đất hơn là những đánh giá về giá trị thẩm mỹ đơn thuần. (Hose, 1995). Theo Hose (1995, 2008), du lịch địa chất là hình thức du lịch dựa trên di sản địa chất nhằm nâng cao nhận thức, giáo dục và bảo tồn tài nguyên địa chất.

Năm 2004, mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu (The Global Geoparks Network - GGN) được thành lập, từ đó việc nghiên cứu và triển khai đầu tư cho hoạt động "geotourism" ngày càng được quan tâm chú ý. Đến năm 2011, Hội nghị quốc tế chuyên đề về geotourism được tổ chức dưới sự bảo trợ của UNESCO tại Công viên địa chất toàn cầu Arouca, Cộng hòa Bồ Đào Nha, đã thảo luận để làm rõ khái niệm "Du lịch địa học". Theo Tuyên bố Arouca (2011), "*Du lịch địa học (geotourism) là một loại hình du lịch giúp duy trì và phát huy bản sắc của một địa phương; trong đó nhấn mạnh các yếu tố: địa chất, môi trường, văn hóa, thẩm mỹ, di sản và lợi ích của cộng đồng*" và "*hình thức du lịch địa chất (geological tourism) (chỉ) là một trong nhiều thành phần của du lịch địa học*". Theo định nghĩa này, phục vụ khai thác loại hình

du lịch địa học sẽ không chỉ gói gọn tại các điểm tài nguyên địa chất, mà còn mở rộng ra những giá trị về tự nhiên, văn hóa, xã hội… mà những điểm tài nguyên này mang lại. Đây cũng là loại hình du lịch được ưu tiên phát triển tại những Công viên địa chất toàn cầu UNESCO. Hiện tại, Việt Nam có bốn công viên địa chất toàn cầu UNESCO, bao gồm: Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, Tuyên Quang (năm 2010); Công viên địa chất toàn cầu Non Nước Cao Bằng (năm 2018), Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông, Lâm Đồng (năm 2020) và Công viên địa chất toàn cầu Lạng Sơn (2024).

Tại Việt Nam, việc nghiên cứu đến loại hình du lịch địa học đang bắt đầu thu hút được ngày càng nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu. Năm 2006, tác giả Nguyễn Địch Dỹ (2006) định nghĩa và sử dụng khái niệm *Địa chất du lịch*: "*…là một loại hình du lịch cung cấp cho khách du lịch, khách tham quan những thông tin, những kiến thức về cơ chế hình thành, lịch sử phát triển của các thắng cảnh, các cảnh quan kỳ thú, những sản phẩm của tự nhiên được hình thành bởi các quá trình nội sinh và ngoại sinh. Mục đích của loại hình du lịch này nhằm giúp cho khách du lịch cảm thấy hứng thú khi tham quan các thắng cảnh, mặt khác giúp họ thấy được mức độ kỳ vĩ về quy mô và thời gian mà thiên nhiên đã tạo dựng nên những thắng cảnh đó. Qua đó cảnh tỉnh khách du lịch phải chung sức bảo vệ giữ gìn những danh lam thắng cảnh*." Khái niệm này có nhiều khác biệt với khái niệm của du lịch địa học của UNESCO.

Năm 2021, luận án Nghiên cứu địa mạo *môi trường phục vụ phát triển du lịch địa học dải ven biển tỉnh Bình Thuận* được tác giả Hoàng Thị Thúy bảo vệ thành công tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong công trình của mình, tác giả đã khẳng định: "*Du lịch địa học là hình thức du lịch mang tính đổi mới về môi trường, thúc đẩy cả trách nhiệm môi trường và xã hội của du khách*" (Thúy, 2021).

Từ những định nghĩa trên và đặc biệt là Tuyên bố Arouca (2011), ta có thể hiểu rằng: du lịch địa học là một loại hình du lịch hướng đến việc cung cấp các dịch vụ du lịch nhằm phục vụ nhu cầu của du khách trong việc tìm hiểu các giá trị về địa chất, địa mạo và những tác động của chúng đến thiên nhiên, văn hóa của cộng đồng địa phương tại những điểm đến địa chất có giá trị; thông qua đó mang lại lợi ích kinh tế và xã hội cho địa phương; đồng thời thúc đẩy các hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường. Xét trên những tiêu chí trên, du lịch địa học là hình thức du lịch bền vững nhưng mang tính đặc thù, có thể phát triển tại những địa phương sở hữu những điểm đến có giá trị về mặt địa chất và chuyên phục vụ thị trường du lịch "ngách".

Cùng với khái niệm du lịch địa học thì một số khái niệm cũng cần làm rõ bao gồm: địa chất, địa hình và địa mạo. Theo nghĩa hẹp, địa chất (geology) đề cập đến thành phần, cấu trúc và lịch sử phát triển của vỏ Trái đất, bao gồm các loại đá, khoáng sản hay dấu tích địa tầng cổ đại (ví dụ: đá granite, tầng Jura) (Neuendorf, Mehl & Jackson, 2011). Trong khi đó, địa hình (topography) phản ánh hình thái bề mặt của Trái đất, thể hiện qua các dạng núi, đồi, đồng bằng, thung lũng (Summerfield, 1991)… điển hình tại Bảy Núi có núi Cấm (710m), vùng đồng bằng Tịnh Biên - Tri Tôn, núi Két với hình dáng đầu chim hay đồi Tức Dụp. Còn địa mạo học (geomorphology**)** là một ngành khoa học, tập trung vào quá trình hình thành và tiến

hóa cảnh quan hay địa hình (Summerfield, 1991); chẳng hạn như quá trình hình thành Hồ Thủy Liêm, các giếng nước tự nhiên trên núi Dài Năm Giếng hay các hoạt động kiến tạo nên dãy Thất Sơn… Khi phân tích tiềm năng phát triển du lịch địa học, việc lồng ghép các khái niệm này – giúp lập luận có chiều sâu khoa học, đồng thời tạo cơ sở cho việc xây dựng các sản phẩm du lịch chuyên biệt.

5. Kết quả và thảo luận

5.1. Tổng quan về khu vực Bảy Núi, An Giang

Bảy Núi là tên gọi chung của một vùng địa lý đặc thù, đồng thời là khu vực tập trung nhiều điểm di sản địa chất có giá trị thuộc huyện Tri Tôn và thị xã Tịnh Biên (cũ). Đây cũng là tên một huyện cũ của An Giang tồn tại từ năm 1977 đến 1979 khi sáp nhập hai địa phương nói trên. Dù nổi danh với danh xưng Bảy Núi, nhưng con số 7 trong tên gọi mang tính biểu trưng hơn là phản ánh chính xác số lượng núi trong khu vực, thực tế ở đây có nhiều hơn bảy ngọn núi.

Vùng đất này khi xưa là đất của Chân Lạp, rồi trong một cuộc tranh giành quyền lực, Nặc Tôn được chúa Nguyễn giúp đỡ trở lại ngôi vua. Để tạ ơn, Nặc Tôn hiến đất Tầm Phong Long – Kampong Long (bao gồm An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Sóc Trăng ngày nay) cho Chúa Nguyễn Phúc Khoát ở Đàng Trong, trong đó có vùng Bảy Núi, vào năm 1757 (Đức, 2016).

Sách *Gia Định thành thông chí* (1820) cũng ghi nhận có đến 18 đỉnh núi trong khu vực (Đức, 2016). Sách *Đại Nam nhất thống* thời vua Tự Đức (1848-1883) có ghi đến 23 đỉnh núi ở An Giang, trong đó nhiều địa chỉ được đặt bằng tên Nôm. Sách cũng ghi bảy ngọn núi gồm: Cấm Sơn, Tốt Sơn, Ốc Nhâm Sơn, Nam Vi Sơn, Châm Biệt Sơn, Nhân Hòa Sơn, Đài Tốn Sơn. Khái niệm "Bảy Núi" bắt đầu xuất hiện từ đây (Lợi, 2014).

Đến năm 1985, nhà nghiên cứu Trần Thanh Phương cho xuất bản sách Những trang về An Giang, đã kể tên bảy ngọn núi là: núi Cấm (Thiên Cấm Sơn, cao nhất Tây Nam Bộ - 710m, chu vi 28.600m), núi Dài Năm Giếng (Ngũ Hồ Sơn), núi Cô Tô (Phụng Hoàng Sơn), núi Dài (Ngọa Long Sơn), núi Tượng (Liên Hoa Sơn), núi Két (Anh Vũ Sơn), núi Nước (Thủy Đài Sơn) (Phương, 1985). Tuy vẫn còn có những ý kiến khác, nhưng hiện nay những núi do Trần Thanh Phương liệt kê, được khá nhiều người đồng thuận.

Theo Địa chí An Giang, ở huyện Tri Tôn và thị xã Tịnh Biên có 37 ngọn núi đã có tên, nhưng con số 7 (Bảy Núi) vẫn không hề thay đổi. Những khối núi này liên kết thành một mạch núi trải dài khoảng 35km và rộng 17km với diện tích gần 600km^2, giữ một vị trí quan trọng ở vùng biên giới Tây Nam đất nước (Lợi, 2014).

Bảy Núi còn được biết đến là một vùng trọng điểm về khai thác khoáng sản tại An Giang, bao gồm: vật liệu xây dựng (đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét), vật liệu trang trí (đá granite, đá aplite), than bùn, đất sét, cao lanh, nước khoáng… (Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang, 2023).

Vùng Bảy Núi là một vùng địa chất có cảnh quan đa dạng bậc nhất Tây Nam Bộ, gồm: đồng bằng, đầm lầy, kênh rạch, rừng, núi, đồi thấp… trong đó có những điểm đến hấp dẫn có giá trị sinh thái hay lịch sử như rừng tràm Trà Sư, kênh Vĩnh Tế hay cánh đồng Tri Tôn – Tịnh Biên, rừng xoài cổ, rừng thốt nốt…

Hiện tại, Bảy Núi là vùng địa lý có dân cư thưa thớt. Toàn vùng có dân số 256.408 người (2016), chiếm 12% dân số của toàn tỉnh An Giang. Đây cũng là vùng có nhiều đồng bào dân tộc Khmer sinh sống, chiếm

30% dân số của vùng (Khánh & Kim, 2016). Cư dân ở đây theo nhiều niềm tin tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau như: đạo Phật (Bắc tông, Nam Tông), đạo Cao Đài, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo, Công giáo, Tin Lành… tín đồ các tôn giáo luôn chung sống hòa hợp và thân ái. Tuy vậy, trước tháng 7/2025, Tịnh Biên và Tri Tôn cũng là hai đơn vị được công nhận là hai đơn vị hành chính cấp huyện miền núi duy nhất của toàn vùng Tây Nam Bộ. Đời sống kinh tế của nhân dân vẫn dựa nhiều vào nông nghiệp, cư dân trong vùng vẫn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống.

5.2. Điều kiện hình thành loại hình du lịch địa học tại khu vực Bảy Núi

5.2.1. Điều kiện tài nguyên du lịch

Địa bàn hai địa phương Tịnh Biên (354,59km^2) và Tri Tôn (600,23km^2) trước đây, chiếm một phần lớn khu vực Tây tỉnh An Giang, trải dài trên một diện tích khoảng 954,82 km^2. Trong đó, riêng vùng lõi địa hình Bảy Núi chiếm diện tích gần 600 km^2. Trong khu vực này, xuất hiện nhiều điểm tài nguyên địa chất (geosite) đặc sắc, cũng như nhiều tài nguyên văn hóa có giá trị đã và đang được khai thác phục vụ hoạt động du lịch.

Tài nguyên du lịch tự nhiên

- **Tài nguyên địa chất, địa mạo**

Giống như trong tên gọi, dạng địa hình tiêu biểu của khu vực này là núi. Hiện tại, đã xác định được khoảng 37 ngọn núi đã được đặt tên trong khu vực (một số tài liệu công bố đến 40 ngọn núi), trong đó đa phần là những ngọn núi thấp. Một số ngọn núi đã và đang triển khai hoạt động du lịch như Thiên Cấm Sơn (núi Cấm) hay Anh Vũ Sơn (núi Két)… Trong đó, núi Cấm là một trong những điểm đến có giá trị nhất.

Được hình thành từ trong giai đoạn Thượng Jura (từ khoảng 143 – 165 triệu năm), núi Cấm được coi như là nóc nhà của khu vực Tây Nam Bộ, với điểm cao nhất (vồ Bồ Hong) khoảng 710m so với mực nước biển (dân địa phương gọi đỉnh là vồ). Ngọn núi mang trong mình nhiều điểm địa chất có giá trị, như hàng loạt những vách đá đẹp, nhiều hang động lớn nhỏ, nhiều vồ đá, khe suối, nhiều điểm khai thác đá granite màu sắc đẹp như: màu xám trắng chứa nhiều mica và hornblende, đá chứa biotite có màu đen tuyền, màu vàng, đỏ hay hồng… là những minh chứng cho một thời kì hoạt động mạnh mẽ của lớp vỏ Trái đất (Cổng thông tin điện tử An Giang, 2025). Bên cạnh vẻ hùng vĩ của một khu vực cảnh quan đồ sộ, xanh tươi giữa một vùng đồng bằng rộng lớn, trên núi Cấm cũng xuất hiện nhiều điểm đến có giá trị sinh thái và thẩm mỹ như: hồ Thủy Liêm, vồ Thiên Tuế, động Thủy Liêm, vồ Bồ Hong, suối Thanh Long, hang Bác Vật Lang, hang Ông Thẻ, hang Ông Hổ…

Bên cạnh núi Cấm, một số điểm cũng mang nhiều giá trị địa chất và cảnh quan, thu hút được nhiều sự chú ý của du khách, như: núi Két, hồ Tà Pạ, núi dài Năm Giếng, đồi Tức Dụp, suối Ô Đá, suối Ô Tà Sóc… có nhiều tiềm năng phục vụ loại hình du lịch địa học tại địa phương.

- **Tài nguyên khí hậu**

Từ lâu, Bảy Núi được mệnh danh là một "tiểu Đà Lạt" của miền Tây, với kiểu thời tiết mát mẻ và dễ chịu so với khu vực xung quanh. Do ảnh hưởng bởi yếu tố độ cao, cộng thêm việc luôn được điều hòa bởi hệ thống khe suối, hồ nước xuất hiện tương đối nhiều, đặc biệt trên khu vực núi Cấm, nên nền nhiệt trên núi thường được duy trì ở mức ôn hòa. Đặc biệt vào mùa mưa, người dân, tận dụng được ưu thế thời tiết, còn có thể trồng và thu hoạch một số loại cây ưa mát thời vụ như bơ sáp, bơ muỗng, mãng

cầu ta, dâu, xoài, hồng quân, chúc, măng tre và một số loài động vật nhỏ như cua núi, ốc núi, ếch. Đặc biệt, trên núi Cấm còn xuất hiện khu "chợ mây" tại ấp Thiên Tuế. Đây được coi là khu chợ được họp ở địa điểm cao nhất miền Tây, chợ được họp vào lúc sáng sớm và chuyên cung cấp những đặc sản của núi rừng. Nếu có cơ hội đi chợ vào mùa mưa, khung cảnh mờ ảo của sương và mây trời vào ban sớm tạo nên nét độc đáo của khu chợ này.

- **Tài nguyên sinh vật**

Tại Bảy Núi có ba quần thể thực vật rừng tiêu biểu đó là: quần thể thực vật rừng tự nhiên trên vùng đồi, núi; quần thể thực vật rừng cây trồng nhân tạo trên vùng đồi, núi; quần thể thực vật rừng tràm trên đất phèn. Theo thống kê từ năm 2008, toàn vùng có tổng diện tích khoảng 14.100ha rừng, trong đó rừng tự nhiên gần 600ha, rừng trồng 13.500ha. Rừng Bảy Núi, tỉnh An Giang phong phú và đa dạng, kết quả điều tra cho thấy ở đây hiện có khoảng 815 loài thực vật thuộc 5 ngành, 84 bộ, 145 họ, 501 chi. Cũng theo thống kê, có 20 loài thực vật cây gỗ quý hiếm thuộc 13 họ thực vật khác nhau có tên trong sách đỏ Việt Nam như gõ mật (Sindora siamensis), cẩm lai (Dalbergia oliveri), giáng hương (Pterocarpus macrocarpus), trầm hương (Aquilaria crassna)... Có 42 loài thực vật đặc hữu hoặc cận đặc hữu của vùng Bảy Núi thuộc 29 họ khác nhau. 3 loài mang tên địa danh Châu Đốc, như tiêu Châu Đốc (Piper chaudocanum), ba gạc Châu Đốc (Rauvolfia chaudocensis), xâm cánh Châu Đốc (Glyptopetelum chaudoccensis). Thảm thực vật vùng Bảy Núi được phân thành hai kiểu rừng chính: kiểu rừng kín thường xanh ẩm nhiệt đới, kiểu rừng kín nửa rụng lá và rụng lá hơi ẩm nhiệt đới (Thắng, 2008). Đặc biệt, vùng rừng Bảy Núi từ lâu cũng đã được biết đến là một trong những vùng trọng điểm về dược liệu không chỉ ở riêng An Giang mà còn của cả nước, theo Chi cục Kiểm lâm tỉnh, tại đây có nhiều loài dược liệu bản địa quý như: đinh lăng, nghệ vàng, nghệ xà cừ, ba kích, hà thủ ô đỏ, kim tiền thảo, huyết rồng, thần xạ hương, sâm hồng… Trong đó có sáu loài đã được liệt kê vào "Sách đỏ Việt Nam" (Sương và ctv, 2016). Riêng tại Tri Tôn, huyện còn có 4 cây di sản Việt Nam là: 2 cây vải thiều (trên 300 tuổi), cây dầu rái (trên 700 tuổi), cây me (trên 500 tuổi) (Chuẩn, 2019).

Bên cạnh quần thế rừng trên cạn, khu rừng ngập nước – rừng tràm Trà Sư (hình thành năm 1983), rừng tràm Tân Tuyến… cũng là một địa điểm tham quan và tìm hiểu có giá trị về một vùng sinh thái ngập nước ở trong lòng vùng Tứ giác Long Xuyên. Chính nhờ sự đa dạng trong quần thể rừng tại địa phương, nên hệ động vật của Bảy Núi cũng khá phong phú, nổi bật là nhiều giống khỉ, bò sát (bò cạp, rắn, rùa), ếch, cua, chim, côn trùng, cá, tôm… phát triển cả ở hệ sinh thái trên núi lẫn hệ sinh thái dưới nước.

Từ sự kết hợp giữa những tài nguyên tự nhiên nói trên đã tạo nên nhiều địa điểm đẹp, có giá trị về mặt cảnh quan, đã và đang thu hút được rất nhiều lượt du khách đến tham quan và học tập.

Tài nguyên du lịch văn hóa

Từ xưa đến nay, vùng Thất Sơn – Bảy Núi đã nổi tiếng là một vùng đất "địa linh nhân kiệt" với sự hiện diện dày đặc hệ thống các di sản văn hóa vật thể lẫn phi vật thể.

- **Di sản văn hóa vật thể**

Tịnh Biên và Tri Tôn là hai địa phương đóng góp nhiều vào danh sách di sản cấp quốc gia và địa phương tại An Giang. Về mặt di tích, tại đây có 6/26 di sản cấp quốc gia tại An Giang và nhiều di tích cấp địa phương, một số di tích tiêu biểu gồm: chùa

Hòa Thạnh (Tịnh Biên), di tích Đồi Tức Dụp, căn cứ Ô Tà Sóc, khu Gò tháp An Lợi, Khu chứng tích tội ác của bọn diệt chủng Pôn Pốt, chùa Xvayton (Tri Tôn). Bên cạnh đó, Bảy Núi từ lâu đã là một điểm đến tâm linh quan trọng của khu vực Tây Nam Bộ với nhiều cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng được đông đảo du khách biết đến, như trên núi Cấm có chùa Vạn Linh, chùa Phật Lớn, tượng Phật Di Lặc, Cao Đài Tự; một số công trình nổi bật khác như chùa Tà Pạ, miếu Bà Chúa Xứ Bàu Mướp, chùa Phi Lai, chùa Soài So, chùa Ông Bổn (Phước Đức Từ)… cùng với gần 50 ngôi chùa Khmer lớn nhỏ nằm rải rác trên địa bàn khu vực. Hơn nữa, Bảy Núi còn là nơi phát tích của nhiều tôn giáo nội sinh như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đồng thời là địa bàn có ảnh hưởng sâu rộng của Phật giáo Hòa Hảo, với nhiều công trình kiến trúc quan trọng như: chùa Tam Bửu, chùa Phi Lai, chùa Thới Sơn… được xem là những trung tâm tín ngưỡng quan trọng, thu hút đông đảo tín đồ hành hương.

- **Di tích văn hóa phi vật thể**

Ngoài sự nổi danh về sự linh thiêng, thì Bảy Núi còn là một địa điểm giao thoa văn hóa của các tộc người Việt – Khmer – Hoa, để lại cho vùng đất này nhiều di sản văn hóa phi vật thể có giá trị, trong đó nhiều di sản đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia như: Hội đua bò Bảy Núi; Tri thức và kỹ thuật viết chữ kinh lá buông của người Khmer (vùng Bảy Núi); Nghệ thuật trình diễn sân khấu Dù Kê của người Khmer xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn; Nghề làm đường thốt nốt của người Khmer. Là địa bàn có nhiều người Khmer sinh sống nhất cả tỉnh An Giang, lại được thiên nhiên ưu đãi cho hệ sinh thái rừng phát triển, ẩm thực Bảy Núi từ lâu cũng nổi tiếng như một khu vực ẩm thực đặc sắc với nhiều đồ ăn và thức uống độc đáo như: cháo bò Bảy Núi, bánh bò thốt nốt, gà đốt Ô Thum, đu đủ đâm, bò xào lá giang, canh sim-lo, bánh xèo rau rừng, bánh cà tum, rượu cà na, rượu hồng quân, các sản phẩm đường, nước, trái thốt nốt... Đây là một lợi thế so sánh của địa phương, tạo nhiều lợi thế phát triển cho khu vực.

5.2.2. Cơ sở chính sách định hướng khai thác hoạt động du lịch tại địa phương

Từ rất sớm, An Giang cũng đã định hướng nhiều chính sách mở đường cho ngành du lịch địa phương phát triển. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ X (2015) đã xác định: "*Phát triển du lịch tỉnh An Giang thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh*". Từ năm 2014, An Giang đã thông qua Quyết định riêng của địa phương mình về công tác *Quy hoạch Tổng thể phát triển ngành du lịch tỉnh An Giang từ năm 2014 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*. Trong Quy hoạch này, tỉnh đã nhận rõ được thế mạnh về sinh thái và văn hóa của địa phương, và coi đây như một kênh đa dạng sản phẩm du lịch: "*Phát triển các điểm, tuyến du lịch: Các điểm du lịch núi Sam, núi Cấm, núi Cô Tô, núi Dài, Óc Eo – Ba Thê…*" và "*Phát triển đa dạng các loại hình du lịch như du lịch tham quan, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch thể thao, vui chơi giải trí, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh; gắn du lịch với mua sắm sản phẩm lưu niệm thủ công mỹ nghệ và ẩm thực. Phát triển điểm du lịch Ô Tà Sóc, huyện Tri Tôn kết hợp với du lịch vùng Thất Sơn (các huyện Tịnh Biên, Tri Tôn, Thoại Sơn), gắn với nghỉ dưỡng, chữa bệnh bằng thuốc nam trồng trên vùng Thất Sơn*" (Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang, 2014). Từ những định hướng trên cho thấy việc phát triển loại hình du lịch địa học tại vùng Bảy Núi là hoàn toàn hợp lý.

5.2.3. Ý kiến của du khách về hoạt động du lịch tại khu vực Bảy Núi, An Giang

Qua hai đợt khảo sát được tiến hành vào tháng 03 và tháng 11/2022, được tác giả thực hiện, có thể đưa ra một số nhận định từ việc thu thập ý kiến của du khách khi đến du lịch An Giang như: Khách rất hay quan tâm đến hoạt động thăm thú thiên nhiên, các công trình tôn giáo, tín ngưỡng; thường đến An Giang bằng hình thức tự túc, theo từng nhóm nhỏ; biết đến An Giang thông qua hình thức truyền miệng và các bài đăng trên Internet… Và quan trọng, đa phần du khách có xu hướng ủng hộ việc đầu tư đa dạng hóa các sản phẩm du lịch tại An Giang nói chung và vùng Bảy Núi nói riêng, cũng như đồng ý tham gia trải nghiệm nếu được tiếp cận sản phẩm (bảng 1):

Bảng 1. Kết quả kiểm định sự khác biệt về mức độ du khách cảm thấy khả thi và mức độ đồng ý tiêu dùng với một số sản phẩm được đề xuất triển khai tại khu vực Bảy Núi giữa hai đợt khảo sát tháng 3 và tháng 11 năm 2022

TT	Sản phẩm đề xuất	Tỷ lệ du khách cảm thấy khả thi (%)		Tỷ lệ du khách đồng ý tiêu dùng khi tiếp cận sản phẩm (%)		Kết luận tổng hợp
		Tháng 3	Tháng 11	Tháng 3	Tháng 11	
1	Leo núi đá (climbing) tại Bảy Núi	70	68	65	63	Không khác biệt đáng kể (z = 0,54; p = 0,590)
2	Bay dù lượn tại Bảy Núi	59	57	54	52	Không khác biệt đáng kể (z = 0,45; p = 0,653)
3	Trung tâm thiền – yoga trên núi Cấm	79	76	73	71	Không khác biệt đáng kể (z = 0,82; p = 0,415)
4	Trung tâm dược liệu và chữa bệnh bằng phương pháp cổ truyền	87	84	80	78	Không khác biệt đáng kể (z = 0,78; p = 0,436)
5	Chương trình nghiên cứu, học tập chuyên sâu tại các điểm di sản địa chất	78	74	72	69	Không khác biệt đáng kể (z = 0,93; p = 0,351)
6	Đa dạng hóa các sản phẩm mua sắm, lưu niệm, đặc sản đặc hữu địa phương	80	78	76	74	Không khác biệt đáng kể (z = 0,58; p = 0,563)
7	Thiết lập thêm các điểm lưu trú, ăn uống đẹp và chất lượng trên núi	77	75	73	71	Không khác biệt đáng kể (z = 0,55; p = 0,584)

Ghi chú*:* Kiểm định z cho tỷ lệ (z-test for proportions), mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$. Tất cả $p > 0,05$ cho thấy sự khác biệt giữa hai đợt khảo sát không có ý nghĩa thống kê.

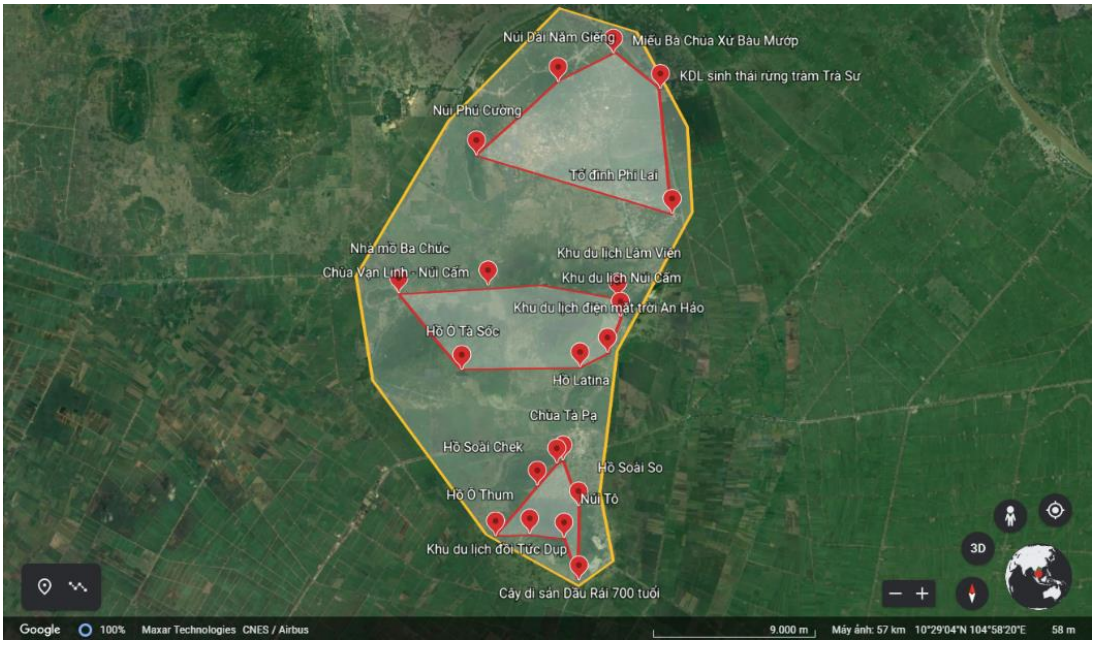
z: giá trị kiểm định chuẩn hóa; p: xác suất sai lầm loại I.

Nguồn: Tác giả xử lý dữ liệu khảo sát (SPSS 20, 2025).

Kết quả kiểm định z cho thấy tỷ lệ du khách cảm thấy các sản phẩm du lịch địa học khả thi và sẵn sàng tiêu dùng khi được tiếp cận đều duy trì ở mức cao (trên 70%) trong cả hai đợt khảo sát. Sự khác biệt giữa hai thời điểm (tháng 3 và tháng 11) không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$), chứng tỏ xu hướng nhận thức và hành vi ủng hộ du lịch địa học của du khách khá ổn định theo thời gian. Điều này gợi ý rằng phát triển sản phẩm du lịch địa học tại vùng Bảy Núi không chịu tác động mạnh của yếu tố mùa vụ, có thể triển khai quanh năm nếu được tổ chức hợp lý và truyền thông hiệu quả. Kết quả này cho thấy tiềm năng hình thành các sản phẩm tại Bảy Núi theo hướng diễn giải di sản địa chất (geoheritage interpretation), kết hợp với sự tham gia của cộng đồng địa phương (community participation), nhằm tạo nên trải nghiệm vừa mang tính giáo dục, vừa góp phần nâng cao sinh kế và ý thức bảo tồn cho cư dân.

5.3. Đề xuất phát triển loại hình du lịch địa học tại khu vực Bảy Núi

Phạm vi đề xuất phát triển các sản phẩm du lịch địa học ở Bảy Núi là không gian bao quanh khu vực Bảy Núi (đa giác màu vàng) và phần trọng tâm là không gian kết nối các điểm đến nổi tiếng liên quan đến địa chất, sinh thái, tâm linh (những đa giác màu đỏ bên trong), (xem Hình 1). Các hoạt động có thể diễn ra tại đây là tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, trải nghiệm sinh thái và ẩm thực, nghiên cứu địa chất - cảnh quan. Dưới đây là một số đề xuất liên quan đến việc thúc đẩy loại hình du lịch địa học tại khu vực.



Hình 2. Phạm vi địa bàn phát triển loại hình du lịch địa học tại khu vực Bảy Núi

(Nguồn: Tác giả, 2025)

5.3.1. Xây dựng các chương trình du lịch địa học

Việc xây dựng chương trình địa học cần tham khảo các mô hình của các điểm Công viên địa chất UNESCO tại Việt Nam và trên thế giới. Hiện tại, tại Việt Nam, từ năm 2017 đã có quy định về việc xây dựng bộ tiêu chí đề nghị công nhận danh hiệu Công viên địa chất (cấp quốc gia), thiết nghĩ về lâu dài thì việc xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận Bảy

Núi trở thành Công viên địa chất quốc gia là một bước đi cần thiết mà địa phương nên nhắm tới.

Từ những chính sách định hướng, kinh nghiệm tại một số công viên địa chất và đặc biệt là sự phong phú và hấp dẫn của nguồn tài nguyên du lịch (tự nhiên, văn hóa) trong khu vực, việc rà soát, hoàn thiện và phát triển các tuyến, chương trình du lịch kết nối các điểm đến địa chất (geosites) và các di sản khác cần được tính toán lại. Bên cạnh cung cấp cho du khách những kiến thức và trải nghiệm chuyên sâu về mặt địa chất, du khách còn cần phải được cung cấp những giá trị văn hóa của cư dân địa phương hình thành từ lịch sử sinh sống và sản xuất lâu dài trên phạm vi địa bàn.

Dưới đây là một chương trình mẫu mà tác giả đề xuất cho địa phương sau quá trình nghiên cứu và khảo sát tại địa bàn:

Tên chương trình du lịch: "Thất Sơn huyền bí".

- Ý tưởng: Tour du lịch bằng đường bộ dành cho những nhà nghiên cứu, sinh viên địa chất và những đối tượng có sức khỏe, thích hoạt động leo núi, có ước muốn khám phá chinh phục tất cả các ngọn núi trong hệ thống Thất Sơn

- Phương tiện di chuyển: đường bộ kết hợp các hoạt động leo núi

- Thời gian: 2 ngày 1 đêm

- Hành trình đi qua các điểm tham quan chính gồm các núi trong hệ thống Thất Sơn: núi Nước (Thủy Đài Sơn), núi Tượng (Liên Hoa Sơn), núi Két (Anh Vũ Sơn), núi Dài Năm Giếng (Ngũ Hồ Sơn), núi Cấm (Thiên Cấm Sơn), núi Dài (Ngọa Long Sơn), núi Cô Tô (Phụng Hoàng Sơn); rừng tràm Trà Sư và các công trình văn hóa có liên quan.

Bảng 2. Nội dung đề xuất chương trình du lịch địa học Thất Sơn huyền bí

TT	Địa điểm tham quan/ học tập	Câu chuyện tìm hiểu
1	- Đón khách từ Châu Đốc, theo hướng N1 đến với Ba Chúc, tham quan núi Nước (Thủy Đài Sơn) – ngọn núi nhỏ nhất trong Thất Sơn và núi Tượng (Liên Hoa Sơn). - Tìm hiểu nguồn gốc của tôn giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. - Các công trình liên quan đến giai đoạn chống Pol Pot	- Lịch sử hình thành địa chất vùng Bảy Núi - Các tôn giáo nội sinh tại An Giang đặc biệt về Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa. - Tìm hiểu lịch sử đau thương giai đoạn chiến tranh biên giới Tây Nam
2	- Về lại hướng phường Tịnh Biên, đến với núi Két (Anh Vũ Sơn)	- Leo núi Két, một ngọn núi có hình thù kì lạ và những giai thoại bên lề.
3	- Núi Dài Năm Giếng (Ngũ Hồ Sơn),	- Leo núi Dài Năm Giếng, một ngọn núi nhỏ với dấu tích của "năm ngón tay tiên" in hằn trên đỉnh núi. - Tìm hiểu về các giống cây địa phương đặc biệt là cây ngãi bún và cây huyền, hai loại cây có tên lạ và có giá trị kinh tế cao, được trồng rộng rãi nơi đây.

TT	Địa điểm tham quan/ học tập	Câu chuyện tìm hiểu
4	- Rừng tràm Trà Sư – dùng cơm trưa	- Tìm hiểu về hệ sinh thái, cảnh quan và các dịch vụ vui chơi tại rừng tràm Trà Sư – một trong những khu rừng tràm đẹp nhất Việt Nam.
5	- Núi Cấm (Thiên Cấm Sơn): + Tham quan một số điểm đến sinh thái tại núi Cấm như: vườn xoài cổ thụ, vườn măng tre hay vườn dâu da… + Thăm các dòng suối hay thác nước trong lành (Otuksa, Thanh Long); những hang động và vách núi, cũng như các công trình tôn giáo, tín ngưỡng thiêng liêng như: chùa Vạn Linh, chùa Phật Lớn, thánh tịnh Cao Đài Tự, điện Cây Quế, điện Mười Ba, điện Tam Thanh, điện Huỳnh Long, hang Ông Thẻ, hang Ông Hổ, hang Bác Vật Lang, động Thủy Liêm… - Nghỉ tối (homestay hoặc cắm trại trên đỉnh núi) - Tham dự "phiên chợ săn mây" trên đỉnh núi Cấm vào những buổi sáng tinh mơ. Dùng điểm tâm, sau đó di chuyển xuống núi.	+ Các câu chuyện truyền thuyết dân gian của người dân về sự linh thiêng của ngọn núi Cấm. + Tìm hiểu thảm động, thực vật quý hiếm. + Các sản vật địa phương như: nho rừng, dâu rừng, măng tre, dâu da, hồng quân... + Tìm hiểu về các loại thuốc nam…
6	- Di chuyển đến Ô Tà Sóc thuộc núi Dài (Ngọa Long Sơn), tham quan một số địa điểm nổi tiếng như: tượng đài Ô Tà Sóc, rừng tầm vông… và tìm hiểu về ngọn núi dài nhất trong hệ thống Bảy Núi.	- Tìm hiểu về nghề khai thác đá địa phương.
7	- Tham chùa Svây Ta Hôn, xã An Tức, huyện Tri Tôn, nơi có hai cây vải thiều được công nhận là cây di sản. - Căn cứ đồi Tức Dụp thuộc núi Cô Tô (Phụng Hoàng Sơn), chinh phục hệ thống hang động Tức Dụp và lịch sử hào hùng về ngọn đồi "Hai triệu đô la"; di chuyển dùng cơm trưa với đặc sản gà đốt Ô Thum.	- Tìm hiểu về đời sống người Khmer tại địa phương và hai cây vải thiều di sản độc nhất Nam Bộ, với trên dưới 300 năm tuổi.
8	- Về Long Xuyên, nhận chứng chỉ hay huy hiệu "Thất Sơn huyền bí" và kết thúc hành trình. Kết thúc chương trình.	- Huy hiệu Thất Sơn huyền bí sẽ là món quà ý nghĩa cho những du khách hoàn thành chương trình

(Nguồn: Tác giả, 2025)

5.3.2. Đa dạng hóa chương trình du lịch

Từ kết quả của khảo sát tiến hành 2022, một số sản phẩm du lịch mới có thể được đầu tư đẩy mạnh khai thác trong khu vực Bảy Núi như:

+ Hoạt động du lịch thiền – yoga: Trong hệ thống Thất Sơn – Bảy Núi, núi Cấm là khối núi lớn nhất, cũng là ngọn núi cao nhất đồng bằng sông Cửu Long. Núi Cấm từ lâu đã nổi tiếng là một địa điểm linh thiêng, là trú xứ của nhiều cơ sở tôn giáo như Phật giáo, Cao Đài, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo và nhiều tín ngưỡng khác… Với phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp; bầu không khí trong lành, yên tĩnh và thời tiết quanh năm điều hòa bởi sở hữu thảm động, thực vật và chế độ thủy văn tương đối ổn định; núi Cấm được cho là nơi sở hữu những điều kiện lý tưởng cho các hoạt động thiền hay yoga. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển sản phẩm du lịch thiền, yoga hay xa hơn là phát triển một trung tâm thiền và yoga trên địa bàn.

+ Hoạt động đi bộ "trekking": đây là loại hình du lịch đã được phát triển phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới, tuy nhiên do ảnh hưởng của điều kiện địa hình mà sản phẩm du lịch này còn khá hạn chế ở khu vực Tây Nam Bộ. Với ưu thế về địa hình, khu vực Bảy Núi trong những năm gần đây liên tục tổ chức một số hoạt động trekking (mang tính thí điểm) tiến tới việc tổ chức định kì với quy mô lớn. Khi hoạt động này được tổ chức thường xuyên, việc kết hợp tìm hiểu các thông tin địa chất, địa mạo của Bảy Núi, tìm hiểu các cảnh quan thiên nhiên; công trình tôn giáo, tín ngưỡng, thưởng thức ẩm thực địa phương (ăn bánh xèo rau rừng, đặc sản rừng núi) và nghe kể về các câu chuyện truyền thuyết dân gian địa phương gắn với sự linh thiêng của khu vực… sẽ là một sản phẩm du lịch địa học hấp dẫn.

+ Hoạt động du lịch gắn với việc phát triển trung tâm thuốc nam: núi Cấm nói riêng và Bảy Núi nói chung, từ lâu đã nổi tiếng là một khu vực nhiều tiềm năng về những loại dược liệu quý. Tại đây, người dân thường có thói quen trồng hay lên rừng thu hoạch một số loại dược liệu, sơ chế và bán cho du khách như một loại trà có lợi cho sức khỏe. Tuy vậy, nếu hoạt động trên cứ diễn ra một cách tự phát và kéo dài, một mặt không thể phát huy được hết những lợi ích mà dược liệu núi Cấm mang lại, mặt khác còn tổn hại đến sự đa dạng sinh học của các loại dược liệu quý. Việc thành lập Trung tâm dược liệu núi Cấm phục vụ cho nhu cầu tham quan, tìm hiểu và khám chữa bệnh của người dân và du khách sẽ góp phần quan trọng trong việc bảo tồn nguồn gen quý của hệ thống dược liệu nơi đây; bên cạnh đó góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế và hình ảnh của địa phương. Một số mô hình mang tính tham khảo tại một số địa phương và có thể áp dụng tại núi Cấm như: Trung tâm nghiên cứu dược liệu Tây Bắc thuộc Viện Khoa học Công nghệ Y Dược tại Sa Pa, Lào Cai; các bài thuốc dân gian người Dao được sử dụng nhằm mục đích tăng cường sức khỏe ở khu vực núi Ba Vì (Hà Nội), các dự án dược liệu liên quan đến sâm Ngọc Linh ở Quảng Ngãi và Đà Nẵng… luôn thu hút được nhiều sự chú ý của xã hội.

+ Hoạt động nhảy dù thể thao tại các núi thuộc huyện Tri Tôn: hoạt động nhảy dù thể thao, nhảy dù nghệ thuật những năm gần đây trở thành những sự kiện thường niên thường được tổ chức để chào mừng các sự kiện lớn của địa phương và đất nước. Tuy vậy, các hoạt động này phần nhiều vẫn chỉ được tổ chức với quy mô sự kiện chưa thực sự trở thành các hoạt động mang tính dịch vụ hay thể thao để phục vụ nhu cầu của người dân và du khách. Khu vực Tri

Tôn có nhiều đặc điểm để tổ chức hoạt động dù lượn hay các hoạt động tương tự: cảnh quan đẹp, vách núi cao, đồng bằng rộng, ít công trình xây dựng hay vật cản lớn (địa điểm đáp thuận lợi) và chế độ gió ổn định… tại Việt Nam, nhiều địa phương đã tổ chức hoạt động dù lượn thể thao và gặt hái được nhiều thành quả nhất định như: biển Nha Trang (Khánh Hòa), bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), Sa Pa, Mù Cang Chải (Lào Cai)… đây là hoạt động du lịch mạo hiểm, không đòi hỏi đầu tư nhiều về cơ sở hạ tầng nhưng đòi hỏi đầu tư lâu dài về mặt con người và nhân lực. Tại khu vực Tây Nam Bộ, với ưu thế về địa hình, An Giang có thể trở thành địa phương đầu tiên sớm đưa hoạt động này trở thành sản phẩm du lịch mang tính đặc thù của tỉnh.

Bảng 3. Tóm tắt đề xuất một số sản phẩm du lịch và lợi ích hướng tới dựa trên ưu thế địa học tại khu vực Bảy Núi

Sản phẩm đề xuất	Liên hệ với tiêu chí địa học	Lợi ích hướng tới
Đi bộ đường dài (Trekking)	Dễ dàng tiếp cận và tham quan các điểm địa chất, cảnh quan, sinh thái và văn hóa. Lồng ghép các bài thuyết về giá trị điểm tham quan.	Phát triển thể thao xanh, hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường.
Thiền – yoga trên núi Cấm	Diễn giải cảnh quan núi sót và địa hình cao nguyên; khai thác không gian núi mang giá trị địa chất, không gian rừng mang giá trị sinh thái và không gian các công trình văn hóa tâm linh.	Nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường và hỗ trợ sinh kế cộng đồng cư dân quanh núi.
Trung tâm dược liệu	Tận dụng nguồn dược liệu bản địa gắn với thổ nhưỡng đặc trưng.	Gắn kết y học dân gian – bảo tồn tri thức bản địa.
Dù lượn thể thao	Khai thác địa hình dốc, gió núi; cần lồng ghép yếu tố diễn giải cảnh quan địa mạo trong tour.	Phát triển thể thao xanh, hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường.

(Nguồn: Tác giả, 2025)

5.3.3. Một số đề xuất khác

- **Đề xuất về giáo dục cư dân địa phương, hướng dẫn viên du lịch và đội ngũ quản lý tại địa phương:**

Để đảm bảo tính bền vững của các sản phẩm du lịch địa học thì việc giáo dục kiến thức, ý thức và kĩ năng cho nhóm đối tượng trên là vô cùng cần thiết. Cần tạo ra các chương trình giáo dục và tạo nhận thức về giá trị của di sản địa chất và văn hóa địa phương. Quá trình giáo dục có thể bao gồm việc tổ chức các lớp học, hội thảo, tham quan thực tế… để giúp nhóm đối tượng trên hiểu rõ, cũng như góp phần quan trọng trong công tác giữ gìn và phát huy giá trị di sản tại địa phương.

- **Đề xuất về kêu gọi đầu tư, quảng bá và xúc tiến hoạt động du lịch:**

Để tạo điều kiện phát triển du lịch tại Bảy Núi và ở An Giang, cần có sự quyết tâm và đầu tư lớn từ chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan. Điều này bao gồm việc xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện dịch vụ, và phát triển các điểm đến du lịch mới.

Cần thiết lập mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, bao gồm các nhà đầu tư, các tập đoàn du lịch, và các tổ chức quốc tế. Sự hỗ trợ từ các đối tác này có thể giúp nâng cao chất lượng và quy mô của ngành du lịch.

Bên cạnh đó, An Giang cũng cần đầu tư vào các chiến dịch tiếp thị và quảng bá hiệu quả để làm cho tỉnh thực sự trở thành điểm đến hấp dẫn trong mắt du khách lẫn giới đầu tư. Việc sử dụng công nghệ và những phương tiện truyền thông hiện đại có thể giúp tăng cường nhận diện thương hiệu và tạo ấn tượng tích cực đối với nhóm du khách tiềm năng trong và ngoài nước.

6. Kết luận

Trên cơ sở tổng hợp tư liệu, khảo sát thực địa và điều tra xã hội học, nghiên cứu đã nhận diện được hệ thống tài nguyên địa chất, sinh thái và văn hóa đặc sắc của khu vực Bảy Núi, tỉnh An Giang, đồng thời đề xuất các hướng phát triển sản phẩm du lịch địa học phù hợp với điều kiện địa phương. Kết quả khảo sát 390 khách du lịch nội địa cho thấy đa số du khách có thái độ tích cực và sẵn sàng tham gia trải nghiệm các sản phẩm gắn với đặc trưng tự nhiên – văn hóa của vùng. Nghiên cứu cũng góp phần bổ sung cơ sở lý luận về du lịch địa học trong bối cảnh Việt Nam, làm rõ mối liên hệ giữa di sản địa chất, hoạt động diễn giải và lợi ích cộng đồng – qua đó tạo nền tảng cho việc hình thành sản phẩm du lịch bền vững tại khu vực Bảy Núi.

Tuy nhiên, nghiên cứu này còn một số giới hạn nhất định. Khảo sát được thực hiện với 390 khách du lịch theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện nên kết quả chưa thể đại diện cho toàn bộ khách du lịch đến An Giang. Phân tích định lượng mới dừng ở mức mô tả, chưa đi sâu vào so sánh nhóm hay ước lượng sẵn sàng chi trả. Một số nhận định về đặc điểm địa chất mang tính mô tả sơ cấp, cần được kiểm chứng bằng dữ liệu chuyên ngành. Trong các nghiên cứu tiếp theo, tác giả có thể mở rộng phạm vi khảo sát sang nhóm du khách quốc tế, tăng cường phạm vi khảo sát, áp dụng các kỹ thuật phân tích thống kê sâu hơn (χ^2 test, z-test, mô hình hồi quy logistic) và tích hợp dữ liệu địa chất – văn hóa để hoàn thiện mô hình phát triển sản phẩm du lịch địa học vùng Bảy Núi, góp phần định hướng xây dựng Công viên địa chất quốc gia Bảy Núi trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cổng thông tin điện tử An Giang. (2025). *Đặc điểm địa chất*. https://angiang.gov.vn/vi/dac-diem-dia-chat [Truy cập ngày 01/10/2025]

Hoàng Thị Diệu Thúy. (2010). Nghiên cứu các chỉ báo phát triển du lịch bền vững tại các điểm tham quan du lịch thuộc quần thể di tích Huế (Việt Nam). *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, Số 62. Huế

Hoàng Thị Thúy. (2021). *Nghiên cứu địa mạo môi trường phục vụ phát triển du lịch địa học dải ven biển tỉnh Bình Thuận.* Luận án Tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Hose, Thomas A. (1995). Selling the Story of Britain's Stone. *Environmental Interpretation*. 10, 16–17. UK

Hose, Thomas A. (2008). *Towards a history of Geotourism: definitions, antecedents and the future. The History of Geoconservation*, 300. pp. 37-60. Geological Society, London, Special Publications. UK. https://doi.org/10.1144/sp300.5

Lê Thị Thu Sương, Võ Quang Minh, Phan Hoàng Vũ. (2016). Đánh giá thực trạng, tiềm năng khai thác và bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc vùng Bảy Núi, An Giang, *Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 7*.

Ngô Chuẩn. (2019). *Tìm biểu trưng cho huyện Tri Tôn.* https://baoangiang.com.vn/tim-bieu-trung-cho-huyen-tri-ton-a245589.html [Truy cập ngày 01/10/2025]

Nguyễn Địch Dỹ. (2006). *Địa chất du lịch*, Tạp chí điện tử Du lịch. http://www.vtr.org.vn/dia-chat-du-lich.html [Truy cập ngày 01/10/2025]

Nguyễn Đức Thắng. (2008). *Đa dạng sinh thái rừng vùng Bảy Núi An Giang*. http://www.kiemlam.org.vn/Desktop.aspx/List/So_1_2_nam_2008/Da_dang_sinh_thai_rung_vung_bay_nui_An_Giang/ [Truy cập ngày 01/10/2025]

Nguyễn Thanh Lợi. (2014). *Địa danh Bảy Núi*, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 9-10 (116-117).

Neuendorf, K.K.E., Mehl, J.P., & Jackson, J.A. (2011). Glossary of Geology. *American Geosciences Institute*.

Quốc Khánh, Toha Kim. (2016). *Bàn giải pháp cải thiện kinh tế - xã hội vùng Bảy Núi*. https://daidoanket.vn/ban-giai-phap-cai-thien-kinh-te-xa-hoi-vung-bay-nui-10054781.html [Truy cập ngày 01/10/2025]

Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang. (2023). *Tình hình khai thác và quản lý khoáng sản tại An Giang.* https://sotainguyenmt.angiang.gov.vn/TongQuan_KS1.aspx [Truy cập ngày 01/10/2025]

Summerfield, M.A. (1991). Global Geomorphology. *Routledge*.

Trần Thanh Phương. (1985). *Những trang về An Giang*, NXB An Giang.

Trịnh Hoài Đức. (2016). *Gia Định Thành thông chí*, Lý Việt Dũng (dịch và chú giải), Huỳnh Văn Tới (hiệu đính và giới thiệu), NXB Tổng hợp Đồng Nai

UNESCO. (2011). *Arouca Declaration*.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. (2014). *Quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch An Giang giai đoạn từ năm 2014 đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. An Giang

Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. (2021). *Chương trình hành động về phát triển hạ tầng du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025*. An Giang

Ngày nhận bài: 09/7/2025 Ngày chấp nhận đăng: 05/8/2026